

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THÀNH
PHỐ BIÊN HÒA**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Ông Huỳnh Phi Hồ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Phan Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 596/2024/TLST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 1762/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số B, ngách D, ngõ G Cầu G, phường Y, Quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lương Huyền C, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Đức T, chức vụ: Chuyên viên QHKHCN

Địa chỉ: Số A, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn:

1/ Ông Hoàng Ngọc T1, sinh năm 1987

2/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Số A, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị T2, sinh năm 1962;
2. Ông Hoàng Ngọc T3, sinh năm 1995;
3. Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1995;
4. Cháu Hoàng Trần Nhật M, sinh năm (cháu mình là con của ông T1, bà N nên ông Hoàng Văn T4 và bà Trần Thị N là đại diện hợp pháp của cháu M)

Cùng địa chỉ: Số A, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T4 có mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Công ty TNHH Đ do ông Nguyễn Đức T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/7/2022, giữa Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H với ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N có ký Hợp đồng tín dụng số 30091/22M/HĐTD cho vay số tiền 1.000.000.000đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản; Thời hạn vay: 180 tháng; Lãi suất cho vay 18%/năm. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T1, bà N theo Khế ước nhận nợ số 30091/22M/HĐTD/KUNN01 ngày 28/7/2022 với số tiền 1.000.000.000đồng. Ngày 27/6/2024, giữa Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H và Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Công ty Đ) ký kết hợp đồng mua bán nợ số 436.06/2024/HĐMBN/HDB-HCD đối với khoản nợ vay trên của ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N, nên hiện nay Công ty TNHH Đ là nguyên đơn trong vụ án trên.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 8 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền với đất.

Tính đến ngày 21/11/2024, ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N còn nợ Công ty Đ số tiền là 962.361.670đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 855.440.000đồng, lãi trong hạn 105.228.287đồng, lãi quá hạn đối với gốc 143.448đồng, lãi chậm trả đối với lãi quá hạn 1.549.934đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi nhiều kì. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Công ty. Buộc ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N phải thanh toán nợ lãi trên số nợ gốc được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 30091/22MN/HĐTD.TD ngày 22/7/2022, kể từ ngày 16/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N không thanh toán được toàn bộ khoản nợ trên thì đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và

toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 099154 do UBND thành phố B cấp ngày 01/11/2013.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hoàng Văn T4 trình bày.

Quá trình ký kết hợp đồng, số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay như Ngân hàng khởi kiện là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông thì mẹ ông là bà Hồ Thị T2 đã đứng ra bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 099154 do UBND thành phố B cấp ngày 01/11/2013. Do hiện nay vợ chồng ông làm ăn khó khăn nên đã nợ Ngân hàng khoảng 4 đến 5 tháng chưa trả được nợ gốc, lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký. Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông đồng ý thanh toán toàn bộ khoản nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Đối với tài sản thế chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1/ *Bà Hồ Thị C1 trình bày:* Quá trình ký kết hợp đồng tín dụng giữa các con của bà với Ngân hàng để vay tiền thì bà có biết tuy nhiên số tiền vay cụ thể bao nhiêu thì bà không nắm được. Để đảm bảo cho khoản vay trên bà đã đứng ra bảo lãnh thế chấp bằng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 099154 do UBND thành phố B cấp ngày 01/11/2013. Đối với tài sản thế chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bà lớn tuổi việc đi lại khó khăn nên bà đề nghị được vắng mặt tại các bước tiến hành tố tụng.

2/ *Ông Hoàng Ngọc T3 trình bày:* Ông là con trai của bà Hồ Thị T2 hiện đang sinh sống trực tiếp trên tài sản tranh chấp. Nay Ngân hàng khởi kiện ông T4, bà N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và tài sản thế chấp thì ông không có ý kiến gì. Do ông bận đi làm nên xin vắng mặt vắng mặt tại các bước tiến hành tố tụng.

3/ *Bà Hoàng Thị P vắng mặt nên không có bản tường trình.*

4/ *Cháu Hoàng Trần Nhật M (do ông Hoàng Văn T4 và bà Trần Thị N là đại diện hợp pháp của cháu M).*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về thủ tục tố tụng: Thời điểm nộp đơn khởi kiện và Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H là nguyên đơn, trong thời hạn chuẩn bị xét xử Ngân hàng bán lại khoản nợ trên cho Công ty TNHH Đ, nên quyền lợi của Ngân hàng đã chuyển giao cho Công ty TNHH Đ. Do vậy, Công ty TNHH Đ là nguyên đơn trong vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ buộc bị đơn phải thanh toán khoản nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng cho vay các bên đã ký kết là có căn cứ. Trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ trên đề nghị phát mãi tài sản bị đơn đã thế chấp để đảm bảo thi hành án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Thời điểm nộp đơn khởi kiện nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, giai đoạn thụ lý giải quyết vụ án giữa Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H và Công ty TNHH Đ ký kết hợp đồng mua bán nợ số 436.06/2024/HĐMBN/HDB-HCD ngày 27/6/2024 đối với khoản nợ vay trên của ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N, nên Công ty TNHH Đ là nguyên đơn trong vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đầy đủ, tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” ông Hoàng Văn T4 và bà Trần Thị N vay tiền của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H. (Ngày 27/6/2024, Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H đã bán khoản nợ trên cho Công ty TNHH Đ). Mục vay tiêu dùng cá nhân. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về nội dung: Qua trình bày của đại diện nguyên đơn cũng như lời trình bày của bị đơn ông Hoàng Văn T4, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T2, ông Hoàng Ngọc T3 và chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Ngày 22/7/2022, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có ký hợp đồng tín dụng với ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N tại hợp đồng số 30091/22MN/HĐTD với số tiền 1.000.000.000đồng.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản; Thời hạn vay: 180 tháng; Lãi suất cho vay 18%/năm. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T1, bà N theo Khế ước nhận nợ số 30091/22M/HĐTD/KUNN01 ngày 28/7/2022 với số tiền 1.000.000.000đồng. Ngày 27/6/2024, giữa Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H và Công ty TNHH Đ ký kết hợp đồng mua bán nợ số

436.06/2024/HĐMBN/HDB-HCD đối với khoản nợ vay trên của ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N, nên hiện nay Công ty TNHH Đ là nguyên đơn trong vụ án trên.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 099154 do UBND thành phố B cấp ngày 01/11/2013.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ là có cơ sở bởi bị đơn ông Hoàng Ngọc T5 và bà Trần Thị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hoàng Ngọc T5 và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 962.361.670đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 855.440.000đồng, lãi trong hạn 105.228.287đồng, lãi quá hạn đối với gốc 143.448đồng, lãi chậm trả đối với lãi quá hạn 1.549.934đồng.

Xét, yêu cầu của Công ty Đ về việc buộc ông Hoàng Ngọc T5 và bà Trần Thị N có nghĩa vụ thanh toán số tiền 962.361.670đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 855.440.000đồng, lãi trong hạn 105.228.287đồng, lãi quá hạn đối với gốc 143.448đồng, lãi chậm trả đối với lãi quá hạn 1.549.934đồng, thì thấy:

Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng số 30091/22MN/HĐTD ngày 22/7/2022; Khế ước nhận nợ số 30091/22M/HĐTD/KUNN01 ngày 28/7/2022; Hợp đồng mua bán nợ số 436.06/2024/HĐMBN/HDB-HCD ngày 27/6/2024; Bảng kê chi tiết số tiền gốc và tiền lãi ông T1, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng thể hiện ông T1, bà N đã nhận đủ số tiền đã vay. Tính đến ngày 21/11/2024, ông T1, bà N còn nợ của Công ty số tiền 962.361.670đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 855.440.000đồng, lãi trong hạn 105.228.287đồng, lãi quá hạn đối với gốc 143.448đồng, lãi chậm trả đối với lãi quá hạn 1.549.934đồng. Số tiền trên đến nay ông T1, bà N không thanh toán là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Do vậy, yêu cầu của Công ty về việc buộc ông Hoàng Ngọc T1 và Trần Thị N phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi và lãi quá hạn là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty Đ, buộc ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho Công ty Đ số tiền là 962.361.670đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 855.440.000đồng, lãi trong hạn 105.228.287đồng, lãi quá hạn đối với gốc 143.448đồng, lãi chậm trả đối với lãi quá hạn 1.549.934đồng.

[4] Về yêu cầu đưa tài sản thế chấp vào đảm bảo thi hành án nếu bị đơn không thanh toán được nợ. Nhận thấy:

Để đảm bảo cho khoản nợ vay, bà Hồ Thị T2 đã dùng tài sản đảm bảo thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 8, phường T, thành

phố B, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 099154 do UBND thành phố B cấp ngày 01/11/2013 cho bà Hồ Thị T2. Sau khi lập hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng chỉ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính còn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì bà T6 quản lý. Do vậy, xét thấy hợp đồng thế chấp tài sản trên giữa Ngân hàng với bà T2 là có hiệu lực pháp luật vì tài sản thế chấp đã qua công chứng thế chấp tại Văn phòng C2, số công chứng 009145, quyền số 14/2022/TP/CC-SCC/HĐGD chứng nhận ngày 22/7/2022. Phiếu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 22/7/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Công ty về việc nếu bị đơn ông T1, bà N không thanh toán được nợ thì Công ty có quyền yêu cầu dùng tài sản thế chấp trên để đảm bảo thi hành án.

[3] **Về chi phí tố tụng:** Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm nguyên đơn đã nộp 10.000.000đồng chi phí thu thập tài liệu chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn chi phí thu thập tài liệu chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000đồng.

[4] **Về án phí:** Do yêu cầu của Công ty TNHH Đ được chấp nhận nên Công ty TNHH Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ đối với ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền 962.361.670đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 855.440.000đồng, lãi trong

hạn 105.228.287đồng, lãi quá hạn đối với gốc 143.448đồng, lãi chậm trả đối với lãi quá hạn 1.549.934đồng.

- Kể từ ngày 22/11/2024, ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 30091/22MN/HĐTD ngày 22/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N không thanh toán được khoản nợ trên thì Công ty TNHH Đ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 099154 do UBND thành phố B cấp ngày 01/11/2013 cho bà Hồ Thị T2, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 25954/22/MN-HĐBĐ ngày 22/7/2022 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp đã qua công chứng thế chấp tại Văn phòng C2, số công chứng 009145, quyền số 14/2022/TP/CC-SCC/HĐGD chứng nhận ngày 22/7/2022. Phiếu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 22/7/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH Đ số tiền chi phí thu thập tài liệu chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000đồng.

3. Về án phí:

- Ông Hoàng Ngọc T1 và bà Trần Thị N phải chịu 40.870.850đồng (Bốn mươi triệu tám trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.116.192đồng (Hai mươi một triệu một trăm mười sáu nghìn một trăm chín mươi hai đồng), theo biên lai thu số 0003587 ngày 03/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự (3);
- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án (1)

Trần Thị Hải

